

Bản án số: 111/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19- 12- 2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Vui

2. Bà Phạm Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 275/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước: Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 11, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Bà Ma Thị T, sinh năm 1999

Địa chỉ: Tổ 11, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Đức C trình bày: Ông Nguyễn Đức C và bà Ma Thị T sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại Ủy ban nhân xã D, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên tranh cãi, không quan tâm lo lắng cho nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên ông C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà T. Về con chung: Không có con chung. Về tài sản chung: Không có tài sản

chung. Về nợ chung: Không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn bà Ma Thị T trình bày: Bà Ma Thị T và ông Nguyễn Đức C sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại Ủy ban nhân xã D, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hiện nay vợ chồng đã ly thân. Bà T đồng ý ly hôn với ông C nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H giải quyết cho bà T ly hôn với ông C. Về con chung: không có. Về tài sản chung: Không có tài sản chung. Về nợ chung: Không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thừa hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức C: Ghi nhận tự nguyện của các đương sự ông Nguyễn Đức C và ông bà Ma Thị T thuận tình ly hôn; Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Nguyễn Đức C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Ma Thị T, cư trú tại Tổ 11, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Nguyễn Đức C và bà Ma Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đã có đơn đề nghị nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức C thấy rằng:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Đức C và bà Ma Thị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn

Đức C, bà Ma Thị T đều xác nhận đời sống chung không hạnh phúc, do vợ chồng không còn có tình cảm, không chung sống cùng nhau, không quan T chăm sóc, yêu thương nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Nguyễn Đức C và bà Ma Thị T đồng ý ly hôn, đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần ghi nhận.

- *Về con chung*: Đương sự khai không có con chung

- *Về tài sản chung*: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung*: Đương sự khai không nợ ai, không ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn ông Nguyễn Đức C phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa*: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Các Điều 51, 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức C tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Đức C và bà Ma Thị T (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 05/04/2021 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Thái Nguyên).

2. *Về con chung*: Đương sự khai không có con chung

3. *Về tài sản chung*: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Đương sự khai không nợ ai và không ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét

5. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông Nguyễn Đức C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai thu số 0014191 ngày

21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

6. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG QUỐC THÀNH